

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - PT
Ngày 16- 4 - 2021
“V/v: Tranh chấp ly hôn và chia
tài sản chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phương

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn
Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
04/2021/TLPT - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ - ST, ngày
14 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2021/QĐ - PT ngày
19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Minh S, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Chị Hồ Thị Diễm M, sinh năm 1998 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Hồ Văn V, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang

3.2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang

4. Người kháng cáo: Bị đơn chị Hồ Thị Diễm M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Trần Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị Hồ Thị Diễm M cưới nhau ngày 24/12/2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Từ khi cưới về thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ anh không yêu thương, không cho gần gũi, không quan tâm, chia sẻ nói chuyện với nhau. Mặc dù anh đã chủ động, cố gắng bồi đắp tình cảm rất nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 28/3/2020 đến nay nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ anh có cho vợ chồng anh chị 15 chỉ vàng nữ trang loại 23K tại địa phương, tiền nạp tài là 30.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền trang điểm và quần áo. Anh yêu cầu chị M phải trả lại số vàng, anh rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 40.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Hồ Thị Diễm M trình bày:

Thông nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Theo chị thì giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vì chị bị bệnh nên vợ chồng không thể gần gũi được. Nay chị đã chữa hết bệnh nên có nguyện vọng được tiếp tục hàn gắn tình cảm với chồng vì chị vẫn còn tình cảm với anh S.

Về con chung: Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn là không có con chung.

Về tài sản chung: Chị thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc khi tổ chức đám cưới thì cha mẹ chồng có cho anh và chị 15 chỉ vàng 23K. Số vàng này chị không mang trên người mà cất giữ ở nhà của anh S, do vậy anh S khởi kiện yêu cầu chị trả lại số vàng này thì chị không chấp nhận.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2021/HNGĐ - ST, ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh S. Anh Trần Minh S được ly hôn với chị Hồ Thị Diễm M.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh S về việc buộc chị Hồ Thị Diễm M phải trả lại 15 chỉ vàng 23K.

Chia đôi tài sản chung của anh Trần Minh S và chị Hồ Thị Diễm M là 15 chỉ vàng 23K, cụ thể anh Trần Minh S được quyền sở hữu 07 chỉ 05 phân vàng 23K, chị Hồ Thị Diễm M được quyền sở hữu 07 chỉ 05 phân vàng 23K. Buộc chị Hồ Thị Diễm M có trách nhiệm hoàn trả cho anh Trần Minh S 07 chỉ 05 phân vàng 23K.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo qui định.

Ngày 25/01/2021, bị đơn chị Hồ Thị Diễm M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh S về việc buộc chị Hồ Thị Diễm M có trách nhiệm hoàn trả cho anh Trần Minh S 07 chỉ 05 phân vàng 23K trong số tài sản chung của vợ chồng là 15 chỉ vàng 23K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Hồ Thị Diễm M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn anh Trần Minh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Hồ Thị Diễm M. Bị đơn cư trú tại ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” là đúng qui định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Theo đơn khởi kiện ngày 05/05/2020 nguyên đơn anh Trần Minh S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Hồ Thị Diễm M và yêu cầu chị M có trách nhiệm trả số tiền nạp tài 40.000.000 đồng, số vàng cưới 15 chỉ vàng 23K. Ngày 01/9/2020 nguyên đơn anh Trần Minh S rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nạp tài 40.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2017; Mục 7 phần IV Về tố tụng dân sự, thi hành án dân sự của Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC, ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ, hướng dẫn việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án phải quyết định chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nạp tài 40.000.000 đồng là có thiếu sót.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/01/2021, chị Hồ Thị Diễm M có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Đối với quan hệ hôn nhân, các đương sự anh Trần Minh S và chị Hồ Thị Diễm M không ai kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra đề xem xét.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn chị Hồ Thị Diễm M. Chị M kháng cáo không đồng ý hoàn trả cho anh Trần Minh S 07 chỉ 05 phân vàng 23K.

Chị Hồ Thị Diễm M và anh Trần Minh S đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2020 là hôn nhân hợp pháp. Chị M và anh S đã trình bày thống nhất, trong ngày tổ chức lễ cưới, gia đình anh S đã tặng cho chung 15 chỉ vàng 23K. Trong thời kỳ hôn nhân không phát sinh thêm tài sản khác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng chị M và anh S là 15 chỉ vàng 23K là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tài sản chung của vợ chồng phải được chia đôi. Do đó, anh Trần Minh S yêu cầu ly hôn với chị Hồ Thị Diễm M, yêu cầu chị M hoàn trả toàn bộ 15 chỉ vàng cưới 23K, không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc chị M có trách nhiệm chia cho anh S số vàng 07 chỉ 05 phân vàng 23K là có cơ sở. Việc chị Hồ Thị Diễm M cho rằng số vàng cưới chị không phải là người trực tiếp quản lý, chị để trong tủ trong nhà của anh S là không có cơ sở. Bởi vì, trong ngày cưới chị M là người trực tiếp giữ và quản lý số vàng cưới, chị không có căn cứ nào xác định số vàng cưới chị đã bàn giao

cho anh S hay gia đình anh S. Do đó, chị Hồ Thị Diễm M phải có trách nhiệm chia cho anh Trần Minh S 07 chỉ 05 phân vàng 23K.

Chị Hồ Thị Diễm M kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới để chứng minh, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ 01 phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về nội dung.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Hồ Thị Diễm M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Hồ Thị Diễm M, sửa bản án sơ thẩm về phần tố tụng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối với yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền 40.000.000 đồng tiền nạp tài và trang điểm cô dâu.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh S. Anh Trần Minh S được ly hôn với chị Hồ Thị Diễm M.

3. Về con chung: Không có nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh S về việc buộc chị Hồ Thị Diễm M phải trả lại 15 chỉ vàng 23K.

Chia đôi tài sản chung của anh Trần Minh S và chị Hồ Thị Diễm M là 15 chỉ vàng 23K, cụ thể anh Trần Minh S được quyền sở hữu 07 chỉ 05 phân vàng 23K, chị Hồ Thị Diễm M được quyền sở hữu 07 chỉ 05 phân vàng 23K. Buộc chị Hồ Thị Diễm M có trách nhiệm hoàn trả cho anh Trần Minh S 07 chỉ 05 phân vàng 23K.

5. Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Trần Minh S phải chịu 2.295.000 đồng (hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng

(một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005835 ngày 02/10/2020, anh Trần Minh S phải nộp thêm số tiền 420.000 đồng (bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Buộc bị đơn chị Hồ Thị Diễm M phải chịu 1.995.000 đồng (một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang.

7. Án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Buộc chị Hồ Thị Diễm M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008571 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 16/4/2021.

***Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. P;
- Chi cục THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng